

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ NINH THUẬN

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Lê Nguyễn Thiên	Ấn				1	1	1994	Quảng Trị	Đại học Tài chính Marketing	Ngân hàng		NTH00013		70.00	63.75	67.50		NTH00133
2	Lê Thị Ngọc	Anh				11	4	1993	Thanh Hóa	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	Quản trị doanh nghiệp		NTH00025		95.00	76.25	80.00		NTH00108
3	Nguyễn Quang	Anh	10	7	1994				Nghệ An	Đại học Mở Malaysia	Tài chính ngân hàng		NTH00034		42.50	MT	45.00		NTH00170
4	Nguyễn Thị Thuận	Anh				9	11	1987	Nghệ An	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế phát triển		NTH00037		42.50	57.50	75.00		NTH00116
5	Nguyễn Vũ Duy	Anh	1	11	1988				Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Quản trị kinh doanh		NTH00038		45.00	35.00	57.50		NTH00100
6	Lương Thị Ngọc	Ánh				20	2	1994	Thái Bình	Đại học Nguyễn Tất Thành	Kế toán		NTH00046		67.50	61.25	80.00		NTH00130
7	Nguyễn Thị Thái	Bình				9	10	1990	Thanh Hóa	Học viện Ngân hàng	Tài chính ngân hàng	Con TB	NTH00063	20	VT	VT	VT		NTH00165
8	Nguyễn Thị Ngọc	Cầm				17	4	1984	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		NTH00072		42.50	42.50	52.50		NTH00094
9	Trần Thị Ngọc	Châu				23	5	1991	Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH00082		40.00	28.75	50.00		NTH00004
10	Trương Thị Kim	Châu				6	3	1991	Ninh Thuận	Đại học Nguyễn Tất Thành	Quản trị kinh doanh		NTH00083		37.50	62.50	65.00		NTH00103
11	Nguyễn Thị Lệ	Chi				17	10	1980	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		NTH00088		32.50	28.75	30.00		NTH00042
12	Nguyễn Thị Thanh	Chiêu				21	7	1991	Quảng Ngãi	Đại học Dân lập Văn lang	Quản trị kinh doanh		NTH00094		VT	VT	VT		NTH00182
13	Phạm Thanh	Chương	14	7	1991				Ninh Thuận	Đại học Công nghệ TP.HCM	Tài chính ngân hàng		NTH00101		70.00	43.75	65.00		NTH00121
14	Lê Thị	Chút				2	2	1988	Ninh Thuận	Đại học Sài Gòn	Kế toán		NTH00102		47.50	38.75	50.00		NTH00109
15	Phan Thị Kim	Cường				7	1	1994	Thừa Thiên Huế	Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	Kế toán doanh nghiệp		NTH00103		65.00	51.25	82.50		NTH00052
16	Lê Hùng	Cường	18	10	1986				Ninh Thuận	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		NTH00104		VT	VT	VT		NTH00156
17	Nguyễn Thị	Đạo				28	3	1990	Lâm Đồng	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		NTH00116		77.50	63.75	60.00		NTH00033
18	Phạm Tiến	Đạt	9	5	1992				Ninh Thuận	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Ngân hàng quốc tế		NTH00121		92.50	71.25	87.50		NTH00098
19	Phan Thị	Diễm				19	1	1991	Ninh Thuận	Đại học Mở TP.HCM	Quản trị kinh doanh quốc tế		NTH00125		55.00	57.50	70.00		NTH00141
20	Phạm Khánh	Diệu				16	1	1994	Bình Định	Đại học Tài chính Marketing	Tài chính doanh nghiệp		NTH00136		80.00	71.25	75.00		NTH00132
21	Vũ Thị Phương	Đông				17	9	1992	Thái Bình	Đại học Công nghệ Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		NTH00146		VT	VT	VT		NTH00022
22	Nguyễn Thị Thùy	Dung				7	4	1982	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính ngân hàng		NTH00167		65.00	31.25	47.50		NTH00153
23	Trần Thị Ngọc	Dung				3	7	1989	Cần Thơ	Đại học Kinh tế - Luật	Kinh tế đối ngoại		NTH00172		70.00	56.25	75.00		NTH00187
24	Nguyễn Thị Bích	Duyên				15	5	1994	Bình Định	Đại học Văn Lang TP.HCM	Kế toán		NTH00198		70.00	58.75	82.50		NTH00008
25	Phan Thị Mỹ	Duyên				28	9	1994	Ninh Thuận	Đại học Luật TP. HCM	Luật quốc tế		NTH00203		95.00	76.25	72.50		NTH00071
26	Đinh Thị Thu	Hà				19	3	1986	Bắc Ninh	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính nhà nước		NTH00226		72.50	40.00	67.50		NTH00184
27	Lê Nguyễn Hồng	Hà				4	10	1988	Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH00228		VT	VT	VT		NTH00102
28	Nguyễn Thị Kim	Hà				5	1	1990	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính nhà nước		NTH00233		62.50	48.75	65.00		NTH00019
29	Trần Thị Bích	Hải				10	8	1990	Quảng Bình	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH00255		77.50	52.50	65.00		NTH00056
30	Trần Huỳnh Minh	Hân				19	7	1993	Ninh Thuận	Đại học Mở TP.HCM	Kế toán		NTH00261		80.00	71.25	75.00		NTH00138
31	Lê Xuân Lê	Hằng				11	5	1991	Ninh Thuận	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		NTH00270		80.00	56.25	65.00		NTH00145
32	Lưu Thị Thúy	Hằng				25	12	1992	Hà Tĩnh	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		NTH00272		50.00	37.50	52.50		NTH00180

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
33	Phan Thị Thanh	Hằng				8	2	1992	Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH00288		55.00	67.50	72.50		NTH00041
34	Nguyễn Thị Thu	Hạnh				18	10	1992	Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Quản trị kinh doanh		NTH00311		75.00	68.75	70.00		NTH00020
35	Phạm Thị Mỹ	Hạnh				27	7	1987	Ninh Thuận	Đại học Tài chính Marketing	Kế toán doanh nghiệp		NTH00313		72.50	58.75	70.00		NTH00086
36	Nguyễn Văn	Hảo	20	8	1993				Ninh Thuận	Đại học Mở TP.HCM	Tài chính		NTH00321		85.00	51.25	82.50		NTH00073
37	Hà Thị Thu	Hiền				21	8	1979	Thái Bình	Đại học Đà Lạt	Quản trị kinh doanh		NTH00330		VT	VT	VT		NTH00197
38	Hứa Ngọc Bích	Hiền				22	4	1987	Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP. HCM	Quản trị kinh doanh		NTH00332		97.50	75.00	82.50		NTH00161
39	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền				3	11	1991	Ninh Thuận	Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP. HCM	Kế toán ngân hàng		NTH00339		77.50	37.50	62.50		NTH00021
40	Trương Diệu Linh	Hiền				1	5	1988	Bình Thuận	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Tài chính ngân hàng	DTTS	NTH00347	20	70.00	61.25	67.50		NTH00078
41	Phạm Thị	Hiền				8	11	1982	Thái Bình	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH00351		55.00	32.50	55.00		NTH00097
42	Nguyễn Hoàng	Hiếu	2	11	1993				Ninh Thuận	Đại học Nguyễn Tất Thành	Tài chính ngân hàng		NTH00365		40.00	48.75	55.00		NTH00190
43	Võ Doãn	Hiếu	3	6	1989				Ninh Thuận	Đại học Công nghệ TP.HCM	Kế toán		NTH00368		77.50	62.50	67.50		NTH00025
44	Phan Thị Như	Hoa				13	12	1990	Thừa Thiên Huế	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính nhà nước		NTH00376		97.50	76.25	75.00		NTH00048
45	Nguyễn Thị	Hòa				20	9	1988	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Quản trị kinh doanh tổng hợp		NTH00385		62.50	48.75	72.50		NTH00002
46	Vương Đình Minh	Hòa				14	9	1989	Ninh Thuận	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Kế toán		NTH00390		50.00	76.25	85.00		NTH00003
47	Nguyễn Dương Thanh	Hoài				12	5	1994	Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Kế toán Kế toán		NTH00395		57.50	56.25	77.50		NTH00107
48	Phùng Văn Mộng	Hoàng				1	10	1992	Ninh Thuận	Đại học Luật TP. HCM	Luật hành chính		NTH00406		55.00	58.75	72.50		NTH00066
49	Phan Thị Thúy	Hồng				26	3	1985	Bình Định	Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		NTH00416		60.00	37.50	72.50		NTH00131
50	Nguyễn Thị Linh	Huệ				12	11	1992	Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	Kế toán		NTH00422		67.50	63.75	77.50		NTH00176
51	Phan Diệu	Huệ				16	12	1992	Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH00424		72.50	50.00	60.00		NTH00067
52	Huỳnh Kim	Hùng	10	11	1989				Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		NTH00425		52.50	50.00	55.00		NTH00169
53	Đoàn Thị Thu	Hương				24	1	1991	Ninh Bình	Đại học Kinh tế Luật - Đại học Quốc gia TP. HCM	Kế toán - Kiểm toán	Con TB	NTH00437	20	82.50	76.25	85.00		NTH00050
54	Lê Thị Thu	Hương				15	1	1985	Lâm Đồng	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kế toán tổng hợp		NTH00441		42.50	28.75	87.50		NTH00060
55	Phạm Lan	Hương				3	12	1987	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP.HCM	Quản trị		NTH00451		77.50	62.50	77.50		NTH00006
56	Võ Tấn	Huy	6	1	1992				Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính		NTH00470		62.50	56.25	67.50		NTH00154
57	Hoàng Nữ Diệu	Huyền				6	3	1993	Quảng Trị	Đại học Tài chính Marketing	Thuế		NTH00473		75.00	67.50	82.50		NTH00064
58	Nguyễn Thị Thu	Huyền				6	9	1993	Nghệ An	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH00479		65.00	40.00	75.00		NTH00040
59	Nguyễn Văn	Huỳnh	18	8	1993				Thừa Thiên Huế	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH00486		VT	VT	VT		NTH00196
60	Hồ Lê Vi	Khanh				18	10	1983	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		NTH00495		75.00	46.25	75.00		NTH00171
61	Nguyễn Duy	Khanh	2	1	1993				Ninh Thuận	Đại học Tài chính Marketing	Thuế		NTH00497		72.50	57.50	80.00		NTH00028
62	Nguyễn Trần	Kiên	20	1	1993				Quảng Ngãi	Đại học Tôn Đức Thắng	Quản trị kinh doanh quốc tế		NTH00515		80.00	71.25	70.00		NTH00142
63	Huỳnh Thị Kim	Kim				9	11	1990	Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH00519		60.00	43.75	70.00		NTH00007
64	Nguyễn Thị	Lài				10	6	1984	Hà Tĩnh	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH00527		62.50	53.75	65.00		NTH00104
65	Miêu Xuân	Lánh	5	3	1990				Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính nhà nước	DTTS	NTH00543	20	VT	VT	VT		NTH00095
66	Hồ Thị	Lê				6	11	1982	Thanh Hóa	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		NTH00544		52.50	27.50	65.00		NTH00111
67	Hồ Thị Mỹ	Lệ				18	9	1989	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế Luật TP.HCM	Tài chính ngân hàng		NTH00547		67.50	53.75	72.50		NTH00115
68	Phạm Thị Mỹ	Liên				9	1	1989	Hà Nam	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		NTH00556		VT	VT	VT		NTH00011

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
69	Bùi Phương	Linh				27	11	1988	Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	Kế toán		NTH00566		VT	VT	VT		NTH00013
70	Hoàng Ngọc Phương	Linh				17	4	1992	Nghệ An	Đại học Luật TP. HCM	Luật quốc tế		NTH00575		55.00	72.50	62.50		NTH00090
71	Lê Thị Mỹ	Linh				14	10	1987	Phú Yên	Đại học Kinh tế TP. HCM	Ngân hàng		NTH00580		77.50	53.75	72.50		NTH00027
72	Liêu Thị Mỹ	Linh				30	1	1987	Sóc Trăng	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		NTH00581		VT	VT	VT		NTH00188
73	Trần Châu	Linh				10	1	1991	Nghệ An	Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán	Con BB	NTH00599	20	50.00	60.00	70.00		NTH00044
74	Phạm Thị Bích	Loan				12	10	1983	Bình Định	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính		NTH00612		67.50	31.25	57.50		NTH00018
75	Nguyễn Thành	Luân	10	9	1989				Hà Tĩnh	Đại học Mở TP.HCM	Kế toán		NTH00626		65.00	33.75	75.00		NTH00045
76	Bùi Thị	Lý				24	7	1983	Nghệ An	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		NTH00637		37.50	36.25	55.00		NTH00181
77	Lê Thị	Mận				13	3	1983	Quảng Ngãi	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH00653		VT	VT	VT		NTH00143
78	Võ Vũ Trà	Mi				25	9	1992	Khánh Hòa	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH00656		45.00	31.25	42.50		NTH00063
79	Nguyễn Trần Hà	My				27	7	1990	Ninh Thuận	Đại học Nha Trang	Quản trị kinh doanh		NTH00677		57.50	52.50	57.50		NTH00173
80	Phạm Thanh	Nam	11	10	1993				Thái Bình	Đại học Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		NTH00686		42.50	43.75	62.50		NTH00112
81	Nguyễn Thị Hằng	Nga				4	5	1992	Ninh Thuận	Đại học Hùng Vương	Tài chính ngân hàng		NTH00696		60.00	45.00	67.50		NTH00037
82	Đặng Kim	Ngân				4	1	1994	Ninh Thuận	Đại học Luật TP. HCM	Luật quốc tế		NTH00703		VT	VT	VT		NTH00070
83	Hồ Phạm Hà	Ngân				15	2	1989	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Quản trị kinh doanh tổng hợp		NTH00707		85.00	65.00	82.50		NTH00119
84	Nguyễn Hoài Thu	Ngân				16	11	1990	Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		NTH00711		62.50	41.25	72.50		NTH00079
85	Trương Thị Diễm	Ngân				1	11	1991	Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng	DTTS	NTH00724	20	45.00	41.25	47.50		NTH00140
86	Vũ Thị Thúy	Ngân				13	1	1989	Hà Nam	Đại học Tôn Đức Thắng	Tài chính ngân hàng		NTH00725		70.00	50.00	80.00		NTH00139
87	Đàm Nguyễn Như	Ngọc				18	9	1991	Ninh Thuận	Đại học Văn Lang TP.HCM	Tài chính ngân hàng		NTH00737		82.50	63.75	80.00		NTH00085
88	Lê Thị Như	Ngọc				16	1	1994	Ninh Thuận	Đại học Công nghệ TP.HCM	Tài chính ngân hàng		NTH00741		42.50	48.75	65.00		NTH00159
89	Phạm Bảo	Ngọc				5	12	1991	Ninh Thuận	Đại học Vũng Vương TP.HCM	Quản trị kinh doanh		NTH00750		65.00	47.50	47.50		NTH00155
90	Trần Huỳnh Thị Minh	Ngọc				21	10	1984	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		NTH00755		85.00	66.25	65.00		NTH00137
91	Đoàn Thái	Nguyên	22	6	1988				Bình Định	Đại học Sài Gòn	Kế toán		NTH00765		40.00	28.75	50.00		NTH00026
92	Bùi Thị Ánh	Nguyệt				14	1	1987	Ninh Bình	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Tài chính ngân hàng		NTH00774		62.50	41.25	57.50		NTH00039
93	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt				7	1	1983	Quảng Ngãi	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH00779		55.00	37.50	60.00		NTH00016
94	Võ Thị Bích	Nguyệt				25	3	1992	Ninh Thuận	Đại học Hồng Bàng TP.HCM	Tài chính ngân hàng		NTH00781		VT	VT	VT		NTH00152
95	Nguyễn Thị Thanh	Nhân				22	9	1991	Thái Bình	Đại học Mở Địa chất	Quản trị kinh doanh dầu khí		NTH00786		62.50	50.00	62.50		NTH00093
96	Lê Kiều	Nhi				21	12	1979	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP.HCM	Kế toán		NTH00802		60.00	27.50	47.50		NTH00065
97	Trương Thị Hoài	Nhi				25	1	1993	Ninh Thuận	Đại học Dân lập Văn lang	Kế toán	Con TB	NTH00812	20	100.00	67.50	90.00		NTH00010
98	Trương Lâm Huỳnh	Như				1	6	1992	Đồng Nai	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH00824		70.00	47.50	72.50		NTH00126
99	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung				12	6	1987	Bình Thuận	Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP. HCM	Kế toán - Kiểm toán		NTH00836		65.00	42.50	47.50		NTH00009
100	Tôn Nữ Hồng	Nhung				2	12	1991	Thừa Thiên Huế	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH00839		62.50	27.50	65.00		NTH00036
101	Lương Thị Mỹ	Nữ				26	7	1986	Ninh Thuận	Viện Đại học Mở Hà Nội	Kế toán		NTH00851		65.00	27.50	72.50		NTH00072
102	Phạm Hoàng	Phát	21	10	1991				Thái Bình	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		NTH00865		55.00	46.25	82.50		NTH00110
103	Phạm Gia	Phụng	18	9	1994				Ninh Thuận	Đại học Tài chính Marketing	Tài chính ngân hàng		NTH00879		52.50	77.50	75.00		NTH00185
104	Lê Vũ Minh	Phương				14	3	1991	Hà Tĩnh	Đại học Văn Lang TP.HCM	Tài chính ngân hàng		NTH00895		70.00	45.00	75.00		NTH00080
105	Ngô Thị	Phương				1	8	1994	Hà Tĩnh	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		NTH00896		87.50	67.50	87.50		NTH00059

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
106	Nguyễn Thị	Phương				5	5	1981	Thái Bình	Đại học Đà Nẵng	Kế toán	Con TB	NTH00902	20	67.50	48.75	72.50		NTH00046
107	Trần Thị	Phượng				22	5	1990	Nam Định	Đại học Tây Nguyên	Kế toán		NTH00917		70.00	47.50	72.50		NTH00082
108	Nguyễn Thị Kim	Phượng				24	11	1986	Bình Định	Đại học Sài Gòn	Tài chính ngân hàng		NTH00928		47.50	37.50	47.50		NTH00118
109	Võ Thị Thu	Phượng				18	10	1991	Ninh Thuận	Đại học Tài chính Marketing	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	NTH00933	20	87.50	70.00	30.00		NTH00062
110	Nguyễn Lâm	Quế				5	6	1983	Ninh Thuận	Đại học Nông lâm TP. HCM	Kế toán	DTTS	NTH00939	20	62.50	37.50	65.00		NTH00164
111	Nguyễn Thị Lan	Qui				1	11	1989	Bình Định	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Tài chính ngân hàng		NTH00941		77.50	52.50	77.50		NTH00068
112	Nguyễn Từ Thanh	Quý				21	1	1991	Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Tài chính ngân hàng	DTTS	NTH00943	20	52.50	51.25	67.50		NTH00183
113	Đào Nữ Nhâm	Quý				11	5	1993	Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng	DTTS	NTH00949	20	37.50	37.50	60.00		NTH00128
114	Trần Thụy Uyên	Sa				18	10	1983	Phú Yên	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		NTH00974		42.50	67.50	55.00		NTH00192
115	Nguyễn Thái Thị	Sinh				4	8	1987	Ninh Thuận	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		NTH00984		57.50	43.75	47.50		NTH00030
116	Nguyễn Văn	Sơn	27	3	1992				Bắc Ninh	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		NTH00994		40.00	36.25	57.50		NTH00012
117	Đàng Thị Thu	Tâm				1	5	1988	Ninh Thuận	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Tài chính ngân hàng	DTTS	NTH01000	20	57.50	45.00	60.00		NTH00054
118	Trương Thị Thu	Tâm				15	4	1980	Ninh Thuận	Đại học Đà Lạt	Luật		NTH01009		VT	VT	VT		NTH00147
119	Chế Trần Minh	Tân	7	9	1987				Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH01011		VT	VT	VT		NTH00101
120	Đỗ Nhật	Tân	1	3	1993				Ninh Thuận	Đại học Công nghệ TP.HCM	Kế toán Tài chính		NTH01012		60.00	52.50	77.50		NTH00076
121	Bùi Thị Kim	Thanh				12	3	1991	Hà Tĩnh	Đại học Công nghệ TP.HCM	Kế toán		NTH01030		52.50	43.75	62.50		NTH00043
122	Trần Thị Thanh	Thanh				10	10	1993	Ninh Thuận	Đại học Tài chính Marketing	Ngân hàng		NTH01042		72.50	68.75	82.50		NTH00168
123	Bùi Đỗ Trung	Thành	15	4	1993				Ninh Thuận	Đại học Tài chính Marketing	Tài chính ngân hàng		NTH01046		VT	VT	VT		NTH00191
124	Võ Thị Phương	Thảo				6	8	1994	Phan Rang - Ninh Thuận	Đại học Công nghệ TP. HCM	Kế oán - Kiểm toán		NTH01098		45.00	42.50	75.00		NTH00198
125	Trần Xuân	Thịnh	23	4	1993				Phú Yên	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính công		NTH01108		45.00	65.00	77.50		NTH00053
126	Nguyễn Thị	Thoa				17	1	1991	Bình Định	Đại học Quy Nhơn	Kế toán		NTH01115		75.00	41.25	65.00		NTH00084
127	Nguyễn Thị Kim	Thoa				20	9	1991	Bình Định	Đại học Tài chính Marketing	Kế toán		NTH01117		57.50	57.50	77.50		NTH00117
128	Trương Lê Quỳnh	Thoa				11	5	1991	Quảng Ngãi	Đại học Văn Hiến	Tài chính ngân hàng		NTH01123		60.00	53.75	77.50		NTH00017
129	Đào Xuân	Thống	2	2	1989				Ninh Thuận	Đại học Hồng Bàng TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		NTH01128		62.50	42.50	60.00		NTH00023
130	Đặng Yến	Thu				10	8	1992	Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		NTH01131		57.50	45.00	57.50		NTH00195
131	Nguyễn Diệp Bạch	Thu				10	7	1990	Thanh Hóa	Đại học Nguyễn Tất Thành	Kế toán		NTH01134		67.50	52.50	70.00		NTH00089
132	Nguyễn Thị	Thu				1	12	1990	Nghệ An	Đại học Lạc Hồng	Tài chính Kế toán		NTH01137		62.50	33.75	70.00		NTH00032
133	Nguyễn Thị	Thu				13	10	1988	Thanh Hóa	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH01136		VT	VT	VT		NTH00189
134	Nguyễn Thị Bích	Thu				24	10	1989	Ninh Thuận	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Tài chính ngân hàng		NTH01138		47.50	43.75	45.00		NTH00105
135	Huỳnh Minh	Thư				10	6	1990	Ninh Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		NTH01144		80.00	46.25	80.00		NTH00055
136	Lê Thị Xuân	Thư				28	4	1983	Bình Định	Đại học Kinh tế TP. HCM	Ngân hàng		NTH01149		65.00	33.75	47.50		NTH00092
137	Nguyễn Hà Minh	Thư				29	8	1982	Đà Nẵng	Đại học Kinh tế TP. HCM	Ngân hàng		NTH01152		60.00	50.00	45.00		NTH00167
138	Võ Thị Minh	Thư				14	5	1990	Ninh Thuận	Đại học Tài chính Marketing	Ngân hàng		NTH01160		VT	VT	VT		NTH00001
139	Hoàng Thị Thanh	Thúy				29	4	1986	Quảng Bình	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH01180		57.50	37.50	55.00		NTH00172
140	Lê Thị Phương	Thùy				25	10	1991	Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		NTH01189		75.00	48.75	52.50		NTH00029

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
141	Võ Kim	Thủy				23	12	1990	Ninh Thuận	Đại học Hồng Bàng TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		NTH01195		65.00	35.00	72.50		NTH00058
142	Đặng Hồng	Thủy				10	5	1993	Ninh Thuận	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Tài chính ngân hàng		NTH01196		47.50	41.25	70.00		NTH00151
143	Đặng Thị	Thủy				30	9	1980	Thái Bình	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		NTH01197		VT	VT	VT		NTH00047
144	Hồ Thị Thu	Thủy				26	9	1993	Bình Định	Đại học Công nghệ TP.HCM	Kế toán Tài chính		NTH01203		52.50	36.25	72.50		NTH00075
145	Lê Thị Mỹ	Thủy				9	8	1992	Ninh Thuận	Đại học Sài Gòn	Ngân hàng		NTH01207		67.50	61.25	62.50		NTH00157
146	Nguyễn Thị Thanh	Thủy				11	4	1994	Ninh Phước - Ninh Thuận	Đại học Nông lâm TP. HCM	Kế toán		NTH01217		47.50	55.00	72.50		NTH00199
147	Nguyễn Thị Thu	Thủy				20	7	1993	Thanh Hóa	Đại học Tôn Đức Thắng	Tài chính ngân hàng		NTH01218		80.00	58.75	65.00		NTH00083
148	Trần Thị Thu	Thủy				1	7	1991	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính doanh nghiệp		NTH01223		55.00	63.75	77.50		NTH00096
149	Trần Thủy	Tiên				9	11	1992	Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Quản trị kinh doanh quốc tế		NTH01229		65.00	63.75	70.00		NTH00081
150	Đoàn Hồng	Tiến	11	8	1982				Nam Định	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH01232		52.50	47.50	75.00		NTH00193
151	Đỗ Thị Vương	Trâm				4	11	1994	Ninh Thuận	Đại học Công nghệ TP.HCM	Tài chính doanh nghiệp		NTH01257		60.00	37.50	70.00		NTH00127
152	Dương Thủy	Trâm				3	1	1993	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính công		NTH01258		72.50	82.50	85.00		NTH00024
153	Lê Thị Ngọc	Trâm				10	12	1992	Bình Định	Đại học Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		NTH01266		52.50	45.00	62.50		NTH00038
154	Võ Bích	Trâm				15	3	1990	Ninh Thuận	Đại học Dân lập Văn lang	Tài chính ngân hàng		NTH01272		82.50	55.00	62.50		NTH00069
155	Đạt Thị Thủy	Trang				21	10	1991	Ninh Thuận	Đại học Luật TP. HCM	Luật dân sự	DTTS	NTH01284	20	90.00	51.25	67.50		NTH00005
156	Đỗ Thị Thu	Trang				15	11	1989	Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Tài chính ngân hàng		NTH01288		57.50	46.25	60.00		NTH00099
157	Lê Phạm Kiều	Trang				7	7	1981	Ninh Thuận	Đại học Dân lập Văn Hiến	Quản trị kinh doanh du lịch khách sạn		NTH01294		67.50	46.25	70.00		NTH00125
158	Nguyễn Thị	Trang				10	8	1990	Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP. HCM	Tài chính ngân hàng		NTH01302		VT	VT	VT		NTH00166
159	Nguyễn Thị Xuân	Trang				19	6	1992	Khánh Hòa	Đại học Hùng Vương	Tài chính ngân hàng		NTH01313		82.50	63.75	77.50		NTH00135
160	Phan Thị Thủy	Trang				24	6	1991	Thái Bình	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Quản trị kinh doanh quốc tế		NTH01321		52.50	70.00	65.00		NTH00031
161	Tôn Nữ Thu	Trang				25	4	1992	Ninh Thuận	Đại học Văn Lang TP.HCM	Kế toán		NTH01322		VT	VT	VT		NTH00150
162	Từ Ngọc Thảo	Trang				14	9	1990	Bình Thuận	Đại học Văn Hiến	Tài chính ngân hàng		NTH01335		60.00	62.50	57.50		NTH00106
163	Phạm Minh	Trí	19	9	1993				Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Tài chính		NTH01342		82.50	86.25	90.00		NTH00120
164	Tô Thị Thủy	Trình				20	2	1993	Bình Định	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính công		NTH01358		70.00	56.25	77.50		NTH00088
165	Lê Thị	Trúc				5	10	1991	Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Tài chính ngân hàng		NTH01368		52.50	43.75	62.50		NTH00087
166	La Văn	Trung	29	8	1989				Ninh Thuận	Đại học Ngân hàng TP. HCM	Tài chính ngân hàng	DTTS	NTH01377	20	42.50	45.00	50.00		NTH00122
167	Trịnh Văn	Trung	4	11	1990				Nghệ An	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế toán - Kiểm toán		NTH01382		75.00	47.50	72.50		NTH00179
168	Phạm Ngọc	Trường	22	6	1990				Nam Định	Học viện Ngân hàng	Tài chính ngân hàng		NTH01385		47.50	56.25	62.50		NTH00057
169	Nghiêm Ngọc Anh	Tú				1	12	1992	TP. HCM	Đại học Phan Thiết	Tài chính ngân hàng		NTH01389		50.00	61.25	60.00		NTH00160
170	Nguyễn Như	Tuyền	2	2	1979				Ninh Thuận	Đại học Đà Lạt	Quản trị kinh doanh		NTH01417		80.00	37.50	67.50		NTH00177
171	Đỗ Thị Ánh	Tuyết				6	9	1981	Thái Bình	Đại học Công nghiệp TP. HCM	Kế toán - Kiểm toán	Con TB	NTH01436	20	VT	VT	VT		NTH00049
172	Châu Nào Thủy	Uy				16	12	1994	Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Tài chính ngân hàng	DTTS	NTH01444	20	50.00	38.75	52.50		NTH00035
173	Lê Hồng	Uyên				27	10	1992	Ninh Thuận	Đại học Tài chính Marketing	Kế toán doanh nghiệp		NTH01452		72.50	63.75	62.50		NTH00015
174	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên				18	12	1989	Ninh Thuận	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH01455		45.00	45.00	47.50		NTH00144

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
175	Nguyễn Thị Phương	Uyên				6	3	1985	Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		NTH01456		50.00	36.25	47.50		NTH00061
176	Nguyễn Thị Thanh	Uyên				5	1	1991	Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH01457		35.00	30.00	60.00		NTH00113
177	Nguyễn Thị Thúy	Uyên				27	6	1982	Ninh Thuận	Đại học Đà Lạt	Tài chính kế toán		NTH01459		37.50	26.25	47.50		NTH00186
178	Phan Đình Khánh	Uyên				10	6	1990	Ninh Thuận	Đại học Mở TP.HCM	Tài chính ngân hàng		NTH01461		32.50	62.50	52.50		NTH00123
179	Hoàng Thanh	Vân				18	3	1981	Cao Bằng	Đại học Kinh tế TP. HCM	Ngân hàng	DTTS	NTH01467	20	47.50	31.25	50.00		NTH00149
180	Lê Thị Thanh	Vân				24	5	1990	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Ngân hàng		NTH01468		65.00	62.50	67.50		NTH00051
181	Nguyễn Thị Ái	Vân				10	3	1979	Ninh Thuận	Đại học Đà Nẵng	Kế toán		NTH01471		37.50	47.50	40.00		NTH00136
182	Nguyễn Thị Thủy	Vân				15	1	1993	Thanh Hóa	Đại học Kinh tế Luật	Kế toán - Kiểm toán		NTH01474		92.50	76.25	77.50		NTH00014
183	Trương Thị Hồng	Vân				22	6	1989	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Ngân hàng		NTH01479		65.00	72.50	55.00		NTH00174
184	Hà Thị Thanh	Vi				2	2	1984	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính doanh nghiệp		NTH01488		57.50	42.50	62.50		NTH00091
185	Thành Anh	Việt	26	12	1993				Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Tài chính ngân hàng	DTTS	NTH01508	20	VT	VT	VT		NTH00074
186	Đào Thanh	Vinh	14	4	1991				Ninh Thuận	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Tài chính ngân hàng		NTH01510		VT	VT	VT		NTH00114
187	Nguyễn Duy Thành	Vũ	10	10	1990				Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH01520		VT	VT	VT		NTH00163
188	Phan Văn	Vũ	10	8	1991				Ninh Thuận	Đại học Mở TP.HCM	Tài chính ngân hàng		NTH01521		75.00	45.00	77.50		NTH00134
189	Hàng Ái	Vy				13	5	1991	Ninh Thuận	Đại học kỹ thuật Công nghệ TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		NTH01529		57.50	53.75	67.50		NTH00178
190	Nguyễn Thị Tường	Vy				26	10	1984	Ninh Thuận	Đại học Nha Trang	Kế toán		NTH01534		VT	VT	VT		NTH00148
191	Đặng Thị Ánh	Xuân				6	2	1992	Ninh Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính ngân hàng		NTH01545		52.50	62.50	67.50		NTH00175
192	Trương Thị Hoàng	Yến				12	8	1984	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP.HCM	Quản trị kinh doanh		NTH01578		VT	VT	VT		NTH00034
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Hồ Trịnh Hoàng	Đức	3	3	1988				Ninh Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Điện tử viễn thông		NTH01589		80.00	46.25			NTH00077
2	Nguyễn Văn	Hưng	17	8	1992				Ninh Thuận	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Điện tử viễn thông		NTH01595		75.00	41.25			NTH00162
3	Hứa Văn	Khôi	30	6	1987				Ninh Thuận	Đại học Gia Định	Kỹ thuật phần mềm	DTTS	NTH01600	20	50.00	47.50			NTH00158
4	Nguyễn Hữu	Linh	30	10	1988				Ninh Thuận	Đại học Mở TP.HCM	Khoa học máy tính		NTH01602		50.00	32.50			NTH00129
5	Hồ Đức	Nhã	12	8	1989				Bình Định	Đại học Bình Dương	Hệ thống thông tin		NTH01611		40.00	37.50			NTH00146
6	Trần Việt	Quốc	25	10	1982				Nam Định	Đại học Bách Khoa TP. HCM	Kỹ thuật điện tử		NTH01621		75.00	52.50			NTH00124
7	Lê	Trung	18	2	1993				Thừa Thiên Huế	Đại học Sư phạm TP. HCM	Công nghệ Thông tin		NTH01635		60.00	51.25			NTH00194
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			

ng